

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
giữa bà Hồng và ông Thọ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca;
2. Ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa (theo văn bản số 951/CV-VKS-DS ngày 06/9/2021).

Ngày 13/9/2021, tại phòng xử án B, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2021 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1960 (tên gọi khác: Phan Thị Tiên);

Địa chỉ: Thôn 08, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn 08, xã E huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày nội dung như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H (tên thường gọi là T) với ông Nguyễn Khắc T là vợ chồng chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/1988 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Th. Sau khi kết hôn hai người sống chung tại xã T, huyện Th, tỉnh Th đến năm 1994 thì chuyển vào thôn 11, xã E, huyện K (nay là huyện C, tỉnh Đắk Lắk, sau đó chuyển đến thôn 08, xã

Ea Tiêu để sinh sống cho đến nay. Qua thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, ông T không quan tâm, chăm sóc cuộc sống gia đình, vợ con mà thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập bà H, hiện tại hai người đã sống ly thân.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không muốn tiếp tục sống chung với ông T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H xác định quá trình chung sống bà và ông Thọ có 01 người con chung là anh Nguyễn Khắc Tr, sinh ngày 12/02/1989 đã đủ tuổi thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Bà Hồng xác định do thời gian quá lâu, giấy chứng minh nhân dân của bà làm lại nhiều lần nên có sự sai sót về ngày, tháng năm sinh giữa giấy chứng minh nhân dân hiện tại và giấy chứng nhận kết hôn; còn đối với tên Phan Thị T trong giấy kết hôn là tên thường gọi của bà. Tên Phan Thị H trong giấy chứng minh nhân dân và Phan Thị T trong giấy chứng nhận kết hôn là một người. Bà xác định ông Nguyễn Khắc T là bị đơn có mặt tại phiên tòa và ông Nguyễn Khắc T nghi trong giấy chứng nhận kết hôn là một người, là chồng của bà.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Khắc T khai nội dung như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Khắc T xác định ông với bà Phan Thị H (tên thường gọi là T) là vợ chồng như bà H khai là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T thừa nhận có lúc ông uống rượu vào vì say xỉn nên có đánh bà H nhưng chưa gây thương tích gì. Nay ông Thọ xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà H khởi kiện ly hôn thì ông không đồng ý và có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Ông T cũng xác định quá trình chung sống ông với bà H có 01 con chung là anh Nguyễn Khắc T, sinh ngày 12/02/1989 đã đủ tuổi thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bị đơn không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2021 do chính quyền địa phương xã Ea T và Công an xã Ea T cung cấp có nội dung:

Bà Phan Thị T, sinh năm 1958 (tên gọi khác là Phan Thị H) và ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1956 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Thanh H vào ngày 07/02/1988. Sau khi kết hôn hai người chuyển vào thôn 08, xã E, huyện C sinh sống. Quá trình chung sống tại địa phương thời gian đầu hạnh phúc nhưng hiện nay phát sinh mâu thuẫn nên bà T làm đơn ly hôn

và không yêu cầu địa phương hòa giải. Nay các bên tranh chấp về hôn nhân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Tiến với ông Thọ có 01 con chung là anh Nguyễn Khắc Tr, sinh ngày 12/02/1989 đã đủ tuổi thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Bà Phan Thị H, sinh ngày 10/6/1960 tại giấy chứng minh nhân dân do Công an tỉnh Đắk Lắk cung cấp ngày 15/7/2011 và bà Phan Thị T, sinh ngày 09/9/1958 tại giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Thọ T, huyện Th, tỉnh Th cấp là một người.

Ông Nguyễn Khắc T, sinh ngày 04/10/1956 tại giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh TH cấp và ông Nguyễn Khắc T, sinh ngày 10/4/1960 trong sổ hộ khẩu do Công an xã Ea Tiêu cấp là một người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H (tên thường gọi là T) yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Khắc T là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 08, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận và Công an xã E xác nhận bà Phan Thị H, sinh ngày 10/6/1960 tại giấy chứng minh nhân dân do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/7/2011 và bà Phan Thị T, sinh ngày 09/9/1958 tại giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Th cấp ngày 07/02/1988 là một người. Ông Nguyễn Khắc T, sinh ngày 04/10/1956 tại giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Th cấp 07/02/1988 và ông Nguyễn Khắc Th, sinh ngày 10/4/1960 trong sổ hộ khẩu do Công an xã Ea Tiêu cấp ngày 16/7/2000 là một người. Do đó HĐXX xác định các bên không tranh chấp gì về chứng cứ, nguyên đơn bà Phan Thị H, sinh năm 1960 (tên thường gọi T) và bị đơn ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1960 là vợ, chồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Khắc T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Th vào ngày 07/02/1988 là đúng thực tế vì trong quá trình tham gia tố tụng đương sự xuất trình và cung cấp giấy chứng nhận kết hôn bản chính và chính quyền địa phương cũng xác nhận sự việc kết hôn giữa hai người tại biên bản

xác minh ngày 13/8/2021. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người sống chung tại địa phương xã T, huyện Th, tỉnh Th, sau đó chuyển vào cư trú tại xã E, huyện K (nay là huyện C), tỉnh Đắk Lắk cho đến nay. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của các đương sự thì quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T hay uống rượu say xỉn và đánh đập bà H, ít quan tâm đến cuộc sống gia đình, vợ con, làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân và gia đình. Do đó bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp, Tòa án đã phân tích, hòa giải cho các bên đương sự về đoàn tụ nhưng bà H kiên quyết ly hôn, còn phía ông T không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không thể hiện thiện chí của sự níu kéo và động viên, khuyên bảo bà Hồng thay đổi. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được. Bà H và ông T vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người duy trì cuộc sống ly thân đã lâu nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H ly hôn ông Thọ.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là anh Nguyễn Khắc Tr, sinh ngày 12/02/1989 là có cơ sở vì căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương. Hiện tại con chung đã đủ tuổi thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết được xác định như sau:

[4.1] Bà Phan Thị H là người nộp đơn khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng bà H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí này và đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[4.2] Ông Nguyễn Khắc Thọ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144; 147; 203; 220; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Phan Thị H ly hôn ông Nguyễn Khắc T.

2. Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Khắc T có 01 con chung là Nguyễn Khắc T, sinh ngày 12/02/1989 đã đủ tuổi thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho bà Phan Thị H. Bà H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- UBND xã E, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Văn Công Cường

